TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/7/2018
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Huyền**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Vạn**
2. Ông **Võ Hoàng Thu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Ngân** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà **Phan Mỹ Dung** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1180/2017/TLST-HNGĐ ngày 25/10/2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 264/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 221/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03/7/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm 1983 – Có mặt.
Địa chỉ: Tổ 7, thôn C, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Bị đơn: Ông **Huỳnh Thanh L1**, sinh năm 1973 – Vắng mặt.
Địa chỉ: E18/5/F1 đường V1, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 09/10/2017, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

Bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Huỳnh Thanh L1 chung sống với nhau từ năm 2001, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 04/6/2002 tại Ủy ban nhân dân phường 9, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra. Đến năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không còn hòa hợp, bà nghi ngờ ông L1 dùng chất kích thích gây hoang tưởng và có hành vi bạo hành với bà. Hạnh phúc vợ chồng không còn dù ông bà đã cố gắng hàn gắn. Bà L và ông L1 đã sống ly thân từ tháng 7 năm

2016 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nay bà Nguyễn Thị Mỹ L yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Thanh L1.

Về con chung: Bà L và ông L1 chung sống có 02 con chung là trẻ Huỳnh Nguyễn Minh T (nữ), sinh ngày 27/7/2002 và Huỳnh Nhật K (nam), sinh ngày 17/6/2006. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai trẻ T, K và không yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi con vì bà L có khảng năng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác nhận cả hai không có tài sản chung và không nợ ai.

Tại bản tự khai ngày 24/01/2018 và các biên bản hòa giải, bị đơn ông Huỳnh Thanh L1 trình bày:

Ông L1 và bà Nguyễn Thị Mỹ L chung sống với nhau từ năm 2001, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 04/6/2002 tại Ủy ban nhân dân phường 9, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu ông bà chung sống bình thường, không có gì xảy ra. Đến năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ ông không rõ vì lý do gì yêu cầu ông bán xe trong khi đang kinh doanh tốt, ông có nóng tính tát vợ một cái nên từ đó bà L bỏ về nhà cha mẹ vợ sống đến nay. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2016 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn có thể hàn gắn được, ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ L. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông được đoàn tụ vì ông còn thương vợ, thương con, không muốn con sống xa cha mẹ.

Về con chung: Ông và bà L chung sống có 02 con chung là trẻ Huỳnh Nguyễn Minh T (nữ), sinh ngày 27/7/2002 và Huỳnh Nhật K (nam), sinh ngày 17/6/2006. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L, thì ông L1 yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai trẻ T, K và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông xác nhận hai vợ chồng không có tài sản chung và không nợ ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến: Về Tố tụng: trong suốt quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ L đối với ông Huỳnh Thanh L1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Thanh L1, do ông L1 có nơi cư trú tại huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Huỳnh Thanh L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ trích lục kết hôn thì giấy đăng ký kết hôn số 79/2002 ngày 04/6/2002 của Ủy ban nhân dân Phường 9, quận T, TP.HCM có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Huỳnh Thanh L1 là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Mỹ L xác nhận thời gian đầu chung sống vợ chồng có hạnh phúc, nhưng đến năm 2016 thì đời sống chung có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không còn hòa hợp và ông L1 có xu hướng bạo lực với bà L. Vì vậy cả hai đã ly thân từ tháng 7/2016 cho đến nay, nay bà L yêu cầu được ly hôn với ông L1. Mặc dù ông L1 không đồng ý ly hôn với bà L vì cho rằng vẫn yêu thương vợ con nhưng nhận thấy, mục đích hôn nhân giữa bà L và ông L1 đã không còn đạt được, bà L đã không còn muốn chung sống với ông L1, tình cảm không còn, hạnh phúc không còn nữa, cả hai đã ly thân gần 02 năm nay. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà L yêu cầu ly hôn với ông L1 là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L mặc dù theo kết quả xác minh số 1383 ngày 27/4/2018 của Ủy ban nhân dân xã V2, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thì "Không xác minh được tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Huỳnh Thanh L1 do hiện nay bà L và ông L1 không còn ở địa phương".

[3.2] Về con chung: quá trình chung sống cả hai có 02 con chung là trẻ Huỳnh Nguyễn Minh T (nữ), sinh ngày 27/7/2002 và Huỳnh Nhật K (nam), sinh ngày 17/6/2006. Cả bà L và ông ông L1 đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào Biên bản ghi nhận ý kiến của hai trẻ ngày 24/11/2017, cả hai trẻ đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét nguyện vọng này là phù hợp với ý chí và cũng thuận lợi nhất cho hai trẻ vì bà L là mẹ có điều kiện gần gũi và chăm sóc con cái tốt hơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L được trực tiếp nuôi hai trẻ Huỳnh Nguyễn Minh T và Huỳnh Nhật K.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Cả hai đều xác định không có tài sản chung và không nợ ai. Tòa không xét.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hơn nhn: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ L đối với ông Huỳnh Thanh L1.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Huỳnh Thanh L1 chấm dứt. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn 79/2002 ngày 04/6/2002 do Ủy ban nhân dân Phường 9, quận T, TP.HCM cấp không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao hai trẻ Huỳnh Nguyễn Minh T (nữ), sinh ngày 27/7/2002 và Huỳnh Nhật K (nam), sinh ngày 17/6/2006 cho bà Nguyễn Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Huỳnh Thanh L1 do bà L có khả năng và không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: cả hai xác định không có tài sản chung. Tòa không xét.

4. Về nợ chung: cả hai xác định không nợ ai. Tòa không xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0030497 ngày 09/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Mỹ L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Huỳnh Thanh L1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. B (2);
- Chi cục THADS H. B (1);
- Các đương sự (4);
- UBND Phường 9, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Huyền